

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT SỰ KIỆN QUỐC TẾ GMS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT SỰ KIỆN QUỐC TẾ GMS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GMS GLOBAL EVENT PRODUCTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GMS PRODUCTIONS JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110514939

**3. Ngày thành lập:** 20/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

135 Ngõ 14 Mễ Trì Hạ, Tổ Dân Phố Số 3, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984567699

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                         | 4632        |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                           | 4633        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                         | 4649        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                         | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                            | 4659        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                          | 4669        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                  | 8230(Chính) |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                    | 8299        |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                    | 8560        |
| 10. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                 | 9000        |
| 11. | Lập trình máy vi tính                                                                                                      | 6201        |
| 12. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                        | 6202        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                            | 6209        |
| 14. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                         | 6311        |
| 15. | Cổng thông tin                                                                                                             | 6312        |
| 16. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                             | 6619        |
| 17. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Trừ đấu giá, tư vấn pháp luật về bất động sản) | 6820 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                    | 7020 |
| 20. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                         | 7110 |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                    | 7320 |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                              | 7410 |
| 24. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                         | 7420 |
| 25. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                     | 7490 |
| 26. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811 |
| 27. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                    | 1812 |
| 28. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                    | 5621 |
| 29. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                     | 5630 |
| 30. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                           | 5820 |
| 31. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                    | 5911 |
| 32. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                   | 5913 |
| 33. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm                                                                                                                                                                                          | 5920 |
| 34. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                                                   | 6190 |
| 35. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                               | 7721 |
| 36. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                   | 7729 |
| 37. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 38. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                              | 7911 |
| 39. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                       | 7912 |
| 40. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                         | 7990 |
| 41. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                        | 3290 |
| 42. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                  | 3312 |
| 43. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                     | 3320 |
| 44. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                           | 4312 |
| 45. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                      | 4741 |

**6. Vốn điều lệ:** 23.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 21/10/2023 đến ngày 20/11/2023

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | DƯƠNG VŨ<br>QUỐC ÁNH | 2894A Phạm Thế<br>Hiển , Phường 7,<br>Quận 8, Thành<br>phố Hồ Chí Minh,<br>Việt Nam                                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 920.000       | 9.200.000.000            | 40,000       | 0790900012<br>38                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Tổng số                            | 920.000       | 9.200.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRỊNH HOA<br>MAI     | 135 Ngõ 14 Mễ<br>Trì Hạ, Tổ Dân<br>Phố Số 3, Phường<br>Mễ Trì, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 230.000       | 2.300.000.000            | 10,000       | 0311910018<br>02                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      | Tổng số                            | 230.000       | 2.300.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                             |                           |         |               |        |              |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN HUY VIỆT ĐỨC | Phòng 3 T13 Tập thể Nam Đồng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 230.000 | 2.300.000.000 | 10,000 | 001093035738 |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                             | Tổng số                   | 230.000 | 2.300.000.000 | 10,000 |              |
|   |                     |                                                                                                             |                           |         |               |        |              |
| 4 | VŨ QUỐC DŨNG        | Căn hộ 2206, Tây Hà Tower, Tổ dân phố số 20, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 920.000 | 9.200.000.000 | 40,000 | 038091000028 |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                                                             | Tổng số                   | 920.000 | 9.200.000.000 | 40,000 |              |
|   |                     |                                                                                                             |                           |         |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ QUỐC DŨNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *01/12/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038091000028*

Ngày cấp: *22/11/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Căn hộ 2206, Tây Hà Tower, Tổ dân phố số 20, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ 2206, Tây Hà Tower, Tổ dân phố số 20, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*